|  |  |
| --- | --- |
| MÃ ĐỀ NV02 | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  **Môn: Ngữ văn - Lớp 6**  **Năm học 2022-2023**  *(Thời gian: 90 phút, không kể thời gian giao đề)* |

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**NGƯỜI ĂN XIN**

*Lúc ấy, tôi đang đi trên phố. Một người ăn xin già lọm khọm đứng ngay trước mặt tôi. Đôi mắt ông lão đỏ hoe và giàn giụa nước mắt. Đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi thảm hại... Ông già chìa trước mặt tôi bàn tay sưng húp, bẩn thỉu. Ông rên rỉ cầu xin cứu giúp.*

*Tôi lục tìm hết túi nọ túi kia, không có tiền, không có đồng hồ, không có cả một chiếc khăn tay. Trên người tôi chẳng có tài sản gì. Người ăn xin vẫn đợi tôi. Tay vẫn chìa ra, run lẩy bẩy. Tôi chẳng biết làm cách nào. Tôi nắm chặt lấy bàn tay run rẩy kia:*

*- Ông đừng giận cháu, cháu không có gì để cho ông cả.*

*Người ăn xin nhìn tôi chằm chằm bằng đôi mắt ướt đẫm. Đôi môi tái nhợt nở nụ cười và tay ông cũng xiết lấy tay tôi:*

*- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi. - Ông lão nói bằng giọng khản đặc.*

*Khi ấy, tôi chợt hiểu rằng: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được chút gì của ông lão.*

(Theo Tuốc-ghê-nhép)

**Em hãy ghi vào giấy kiểm tra chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:**

**Câu 1.**Trang phục của ông lão ăn xin được miêu tả như thế nào trong văn bản?

A. Áo quần tả tơi thảm hại. B. Đôi môi tái nhợt.

C. Đôi mắt đỏ hoe và giàn giụa nước mắt. D. Người ăn xin già lọm khọm.

**Câu 2.** Trong các từ sau, từ nào **không** phải là từ láy?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Chằm chằm. | B. Đôi môi. | C. Lẩy bẩy. | D. Giàn giụa. |

**Câu 3**. Văn bản “Người ăn xin” được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất. B. Ngôi thứ hai.

C. Ngôi thứ nhất và thứ hai. D. Ngôi thứ ba.

**Câu 4.** Cậu bé không có gì để cho ông lão nhưng ông lão lại nói: "Như vậy là cháu đã cho lão rồi". Em hiểu cậu bé đã “cho” ông lão điều gì?

A. Một lời xin lỗi mong ông đừng giận. B. Một chút bánh mì và thức ăn.

C. Sự cảm thông và kính trọng. D. Một chút tiền lẻ để mua áo ấm.

**Câu 5.** Từ “tay” trong câu: “Đôi môi tái nhợt nở nụ cười và tay ông cũng xiết lấy tay tôi” là

A. từ đồng âm. B. từ đa nghĩa. C. từ trái nghĩa. D. từ đơn nghĩa.

**Câu 6.** Khi ông lão cảm ơn cậu bé, cậu bé nhận ra mình đã nhận được điều gì từ ông lão ăn xin?

A. Cậu nhận được một bài học từ ông lão ăn xin.

B. Cậu nhận được một lời xin lỗi từ ông lão ăn xin.

C. Cậu nhận được lòng biết ơn, sự đồng cảm từ ông lão ăn xin.

D. Cậu nhận được sự thương cảm từ ông lão ăn xin.

**Câu 7**. Qua văn bản, em thấy cậu bé có những phẩm chất nào đáng quí?

|  |
| --- |
| A. Yêu truyền thống quý báu của dân tộc.  B. Yêu những người thân trong gia đình và những người xung quanh.  C. Giàu lòng nhân ái, biết đồng cảm, sẻ chia với mọi người, nhất là người khó khăn hơn mình.  D. Trung thực, thật thà, biết giúp đỡ người khác khó khăn hơn mình. |

**Câu 8**. Những lời nói và hành động ân cần của cậu bé với ông lão đã chứng tỏ điều gì?

A. Cậu bé rất sợ ông lão ăn xin.

B. Cậu bé rất ghét ông lão ăn xin.

C. Cậu bé không thích giúp đỡ ông lão ăn xin.

D. Cậu bé rất thương ông lão ăn xin.

**Thực hiện yêu cầu sau:**

**Câu 9**. Nêu nội dung chính của văn bản trên.

**Câu 10**. Em rút ra được bài học gì về cách ứng xử trong cuộc sống từ câu chuyện?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm xúc của em về bài thơ sau của tác giả Lê Hồng Thiện:

**TRĂNG CỦA MỖI NGƯỜI**

*Mẹ bảo: trăng như lưỡi liềm*

*Ông rằng trăng tựa con thuyền cong mui*

*Bà nhìn như hạt cau phơi*

*Cháu cười: quả chuối vàng tươi ngoài vườn*

*Bố nhớ khi vượt Trường Sơn*

*Trăng như cánh võng chập chờn trong mây.*

(*Thơ với tuổi học trò*, Tập I NXB Lao Động- Hà Nội, 1993)

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Hết\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 6 -Mã đề 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | Cuộc gặp gỡ giữa một cậu bé nhân hậu và một ông lão ăn xin vô cùng đáng thương. Trước hoàn cảnh đáng thương của ông lão, cậu bé trao cho ông một cái nắm tay ấm áp. | 1,0 |
|  | **10** | HS có thể nêu được một trong số các bài học:  - Biết yêu thương, chia sẻ, đồng cảm với hoàn cảnh, số phận của người khác.  - Sống là phải biết cho đi mà không hề đòi hỏi phải nhận lại... | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc đoạn văn biểu cảm* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề: ghi lại cảm xúc của em về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Trăng của mỗi người”* | 0,25 |
|  | *c. Nội dung* |  |
|  | 1. Mở đoạn:  - Giới thiệu nhan đề, tên tác giả và cảm xúc khái quát về bài thơ.  2. Thân đoạn:  - Trình bày được cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.  + Về nghệ thuật: so sánh đặc sắc: trăng được ví với những hình ảnh rất đỗi gần gũi: “như lưỡi liềm”, “tựa con thuyền cong mui”, “như hạt cau phơi”, “quả chuối vàng tươi”, “như cánh võng chập chờn trong mây”. Lời thơ giản dị, trong sáng, giọng điệu dí dỏm.  + Về nội dung: Bài thơ là những cảm nhận rất thú vị về trăng. Nét độc đáo của bài là ở chỗ nhà thơ đã mượn lời của từng thành viên trong gia đình để nhìn trăng theo cách liên tưởng riêng bằng tâm lý, lứa tuổi, công việc khác nhau: Mẹ là người tay liềm, tay hái quen việc đồng ruộng nên thấy “trăng như lưỡi liềm”; ông có lẽ quen việc sông nước nên thấy “trăng tựa con thuyền cong mui”; bà lại nhìn trăng ra “hạt cau phơi” bởi bà hay ăn trầu; cháu thiết thực hơn, vì cái tính háu ăn của con trẻ, cháu thấy trăng ngon như “quả chuối vàng tươi trong vườn”. Còn với bố - chú bộ đội Trường Sơn, vầng trăng được vẽ trong tâm trí bố lúc ẩn, lúc hiện với bao kỉ niệm trong chiến tranh gian lao, hào hùng nhưng vẫn không kém phần thơ mộng.  - Sử dụng một số từ ngữ để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu.  3. Kết đoạn:  - Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ với bản thân.  VD: Với tài quan sát tinh tế, cách ví von giản dị, hợp lý của nhà thơ, trăng trong bài thơ hiện lên thật gần gũi với con người, luôn gắn bó cùng con người trong cuộc sống, công việc. Bài thơ đã bồi đắp cho em tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu gia đình. | 0,25  2,5  0,25 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc; lời văn sinh động, sáng tạo. | 0,25 |